

Bản án số: 14/2021/DS-PT

Ngày: 14 - 01 - 2021

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Lạc

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường

Ông Lê Nguyên Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhơn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2020/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DSST ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 233/2020/QĐPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Lê Văn M, sinh năm 1958.

1.2. Ông Trương Hồng L, sinh năm 1956.

1.3. Bà Đinh Thị T, sinh năm 1955.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, ông L là chị Trương Thị Hồng T1, sinh năm 1985 (theo văn bản ủy quyền ngày 03/6/2013, ngày 05/11/2018).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đinh Thị T và ông Trương Hồng L là Luật sư Phạm Hoài Duy T2- Văn phòng Luật sư H - thuộc đoàn Luật sư

tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ: số 39/5, khóm N, Thị trấn L, huyện H, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp H, xã X huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đinh Văn Q, sinh năm 1973.

3.2. Ông Đinh Văn S, sinh năm 1976.

3.3. Ông Đinh Văn Th, sinh năm 1986.

3.4. Bà Đinh Thị Tuyết H1.

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã ĐT, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

3.5. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ: số 44/4A TT, khu 4, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Nguyên đơn: Trương Hồng L, Đinh Thị T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 07 năm 2013, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/11/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của bà T, ông L là chị Trương Thị Hồng T1 trình bày: Nguyên đơn có phần đất do ông bà để lại thuộc thửa 176, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.807,1m², tọa L tại ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do bà Đinh Thị T và ông Trương Hồng L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 06/3/2012. Phần đất của nguyên đơn giáp liền kề với phần đất của anh Nguyễn Văn H quản lý sử dụng thuộc thửa 172 (733 cũ), phần đất này do anh H mua lại của ông Đinh Văn S1 nhưng chưa lập thủ tục theo quy định. Trong quá trình sử dụng thì ông H lấn chiếm qua phần đất của nguyên đơn thửa 176 diện tích khoảng 155m². Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành khảo sát đo đạc, theo kết quả của cơ quan chuyên môn thì phần đất có diện tích tranh chấp là 163,3m² tách thửa 176-4. Nay bà T, ông L yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả lại cho phía nguyên đơn phần đất thuộc thửa 176-4, diện tích 163,3m², nằm trong thửa 176, diện tích 1807,1m², tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2013 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Văn M trình bày: Ông có phần đất vườn diện tích 1.020m² thuộc thửa 734, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Năm 2011 Nhà nước thu hồi 308,4m² đất của ông để làm Cống hồ Cây Gáo. Phần đất của ông giáp với thửa 733 do anh Nguyễn Văn H đang quản lý sử dụng. Trong quá trình sử dụng anh H đã lấn sang phần đất của ông là 120m². Vì việc phát sinh tranh chấp ông có yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết nhưng không thành, ông Nguyễn Văn H chỉ thừa nhận lấn qua ông là 7m². Trong quá trình giải

quyết tòa án có tiến hành hòa giải nhưng không thành ông M có làm đơn yêu cầu khóa sát đo đạc phần đất tranh chấp. Kết quả đo đạc của cơ quan chuyên môn là $62,6m^2$, thuộc thửa 172-2+ tách thửa 176-2 (733+734 cũ). Do kết quả đo đạc thực tế còn thiếu so với diện tích đất của ông bị anh H lấn chiếm nên ông có yêu cầu đo đạc lại. Kết quả đo đạc lần hai phía bị đơn anh H có thay đổi so với kết quả đo đạc lần đầu đã cắm mốc qua khỏi kết quả đo đạc lần đầu trên phần đất của ông là $34,7m^2$ và ngược lại ông cắm mốc khác qua mốc đo đạc lần đầu là $24,89m^2$. Nay ông M yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả lại phần đất mà ông H đã lấn chiếm là $122,19m^2$ ($62,6m^2 + 34,7m^2 + 24,85m^2$).

Tại bản tự khai ngày 15/8/2013, 26/12/2013, 05/02/2015, đơn yêu cầu phản tố cùng ngày 05/02/2015 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Văn H trình bày: Vào năm 1994 anh có lập giấy tay chuyển nhượng phần đất của ông Đinh Văn S1 thuộc thửa 733, tờ bản đồ số 04, diện tích $1.130m^2$, do ông Đinh Văn S1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện T cấp vào ngày 10/8/1993 (Ông S1 mất có 04 người con là Đinh Văn Q, Đinh Văn S, Đinh Văn Thành, Đinh Thị Tuyết H1), phần đất tọa lạc ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long nhưng chưa lập thủ tục sang nhượng do lúc chuyển nhượng ông S1 đang lập thủ tục thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền Ngân hàng, sau khi ông S1 trả xong Ngân hàng thì phát sinh tranh chấp nên anh chưa lập thủ tục sang tên được. Nay theo yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của bà T, ông L thì anh không đồng ý. Anh có yêu cầu phản tố hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích $163,3m^2$, thuộc thửa 176, tờ bản đồ số 24, diện tích $1.807,1m^2$ loại đất ở và đất trồng cây lâu năm được Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Trương Hồng L và bà Đinh Thị T vào ngày 06/3/2012. Đối với yêu cầu của ông Lê Văn M thì anh H không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân huyện T có công văn trả lời nội dung như sau: Bà Đinh Thị T và ông Trương Hồng L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền phần đất số BG 752583 tại thửa 176, diện tích $1807,1m^2$, loại đất ở tại nông thôn và trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 24, tọa lạc ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Ủy ban nhân dân huyện T ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với tài sản khác cho ông Trương Hồng L và bà Đinh Thị T là đúng trình tự thủ tục theo quy định của Nhà nước.

Đinh Văn Q vắng mặt nhưng có lời trình bày: anh là con thứ hai của ông Đinh Văn S1, ông S1 có 04 người con là Đinh Văn Q, Đinh Văn S, Đinh Văn Thành và Đinh Thị Tuyết H1. Việc cha anh là ông S1 đã bán đất cho anh H anh không nhớ rõ năm và anh Hai đã sử dụng lâu dài. Nay anh không có ý kiến tranh chấp gì trong vụ án.

Đinh Thị Tuyết H1 vắng mặt nhưng có lời trình bày: chị là con ruột của ông Đinh Văn S1, chị cho biết trước đây khoản trên 20 năm có nghe cha chị là ông S1 đã bán đất cho ông Nguyễn Văn H nhưng thời gian cụ thể thì chị không nhớ rõ. Nay sự việc tranh chấp giữa bà Đinh Thị T, ông Lê Văn M cùng với ông Nguyễn Văn H thì chị không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án, vì cha chị đã bán cho anh H xong. Do

bận công việc nên xin vắng mặt trong quá trình giải quyết tại Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DSST ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều Điều 100 và 203 Luật đất đai; Điều 265 , 288 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 34, 147, 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Hồng L và bà Đinh Thị T về việc yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả lại cho các nguyên đơn phần đất có diện tích theo kết quả khảo sát đo đạc thực tế là 163,3m² thuộc thửa 176-4 tọa lạc ấp Hội Thọ, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn M về việc yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả lại cho các nguyên đơn phần đất có diện tích theo kết quả khảo sát đo đạc thực tế 172-2+176-2 (733+734) diện tích 62,6m²; thửa 172-4+173 (733+734) diện tích 24,85m²; thửa 172-4+173 (733+734) có diện tích 34,7m² ấp Hội Thọ, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn H. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đo đạc thực tế thuộc thửa 176-4 có diện tích 163,3m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 752583 tại thửa 176, diện tích 1807,1m², loại đất ở tại nông thôn và trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 24, tọa lạc ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do ông Trương Hồng L và bà Đinh Thị T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí đo đạc, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn ông Lê Văn M không kháng cáo.

Ngày 11/8/2020 nguyên đơn: ông Trương Hồng L, Đinh Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết như sau: yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Hồng L, Đinh Thị T , buộc bị đơn Nguyễn Văn H trả lại phần đất đã lấn chiếm ở chiết thửa đất số 176-4 diện tích thực đo 163,3m² tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông L và bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- **Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu:** Việc khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở. Vì khi nhập hai thửa 731,

732 thành thửa 176 diện tích $1.807,1\text{m}^2$, nguyên đơn đã sử dụng lâu dài, ổn định. Đất này cấp cho ông L và bà T được cơ quan chuyên môn trả lời là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, đây là tranh chấp quyền sử dụng đất, ranh đất chứ không phải tranh chấp lỗi đi như cấp sơ đã thẩm nhận định. Từ đó, cho thấy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: xét yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn ông L, bà T là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ: Ngày 05/10/2011 bà Đinh Thị T có đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do đo đạc lập bản đồ địa chính chính quy theo mẫu mới, thửa đất có thay đổi là thửa đất số 731 và thửa 732 thay đổi thành thửa 176 diện tích $1.807,1\text{m}^2$. Về hình thể theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ngày 10/8/1993 đã cấp cho bà T thì hình thể thửa đất 732 và thửa 731 (nay là thửa 176) tiếp giáp với thửa 733 của ông Đinh Văn S1 (nay là thửa 172) là một đường thẳng. Hình thể của thửa đất 733 có 01 phần tiếp giáp với đường. Nhưng hiện nay theo đo đạc theo Vlap thì là một đường cong và thửa đất 172 của ông S1 không còn vị trí nào tiếp giáp với đường. Đồng thời khi đo đạc xác định ranh giới, mốc giới để cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ngày 10/3/2011 để xác định ranh giới đất cho bà Đinh Thị T phần giáp ranh với ông Đinh Văn S1 cũng không có chữ ký giáp ranh của các hàng thừa kế của ông S1 mà chỉ có chữ ký của anh Nguyễn Văn H. Mặc dù anh H là người đang trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất 733 do anh H nhận chuyển nhượng của ông Đinh Văn S1 nhưng ông H vẫn chưa lập thủ tục chuyển nhượng, kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Theo biên bản này không xác định chi tiết mốc giới ranh giới thửa đất. Căn cứ biên bản này Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp đổi lại giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà T là không đúng quy định.

Đồng thời về diện tích thửa đất 176 của bà T có tăng hơn so với diện tích thửa 732; 731 của bà T. Thửa 176 diện tích theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất bà T được cấp là $1807,1\text{m}^2$. Diện tích đất theo đo đạc thực tế là $1.746,9\text{m}^2$. So với diện tích thửa 732, 731 bà T đã được cấp theo chương trình đất thì diện tích đo đạc thực tế của bà T tăng $236,9\text{m}^2$, trong khi thửa đất 733 của ông S1 hiện nay theo đo đạc thực tế có diện tích $1.097,5\text{m}^2$. Mặc dù Ông H (người đang quản lý sử dụng đất) thừa nhận khi đo đạc Vlap ông có ký giáp ranh với bà T, tuy nhiên ông H cho rằng do ông cứ tưởng việc ký biên bản này phù hợp với vị trí theo đo đạc năm 2011 của Tòa án trong vụ án

ông tranh chấp với ông M nên ông mới ký biên bản giáp ranh là có căn cứ.

Từ những phân tích trên có căn cứ xác định phần đất tranh chấp chiết thửa 176-4 diện tích 163,3m² thuộc thửa đất 733 do ông Đinh Văn S1 đứng tên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông L, bà T. Tuy nhiên án sơ thẩm lại hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông L, bà T tại thửa 176 là chưa phù hợp. Nên không cần phải hủy giấy chứng nhận mà chỉ cần xác định lại diện tích đất của các đương sự và các đương sự có nghĩa vụ kê khai đăng ký lại quyền sử dụng đất là phù hợp. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Sửa một phần án sơ thẩm. Xác định chiết thửa 176-4 có diện tích 163,3m² thuộc thửa 733 do ông Đinh văn S1 đứng tên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Các đương sự có nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Do sửa án sơ thẩm nên bà T, ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ngày 31/7/2020 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long tuyên án sơ thẩm. Ngày 11/8/2020 nguyên đơn ông Trương Hồng L, bà Đinh Thị T nộp đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 và được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm được qui định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Phần đất thuộc thửa 176, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.807,1m², tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do bà Đinh Thị T và ông Trương Hồng L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 752583 được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 06/3/2012. Phần đất này của nguyên đơn giáp với phần đất thửa 172 (733 cũ) của anh Nguyễn Văn H quản lý sử dụng do anh H mua lại của ông Đinh Văn S1 nhưng chưa lập thủ tục theo quy định. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn anh H trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm theo đo đạc thực tế phần diện tích đất tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là 163,3m² nằm trong thửa 176, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.807,1m², tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do bà Đinh Thị T và ông Trương Hồng L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần đất này là do bà Đinh Thị T có đơn đề ngày 05/10/2011 đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi đo đạc xác định ranh giới, mốc giới để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đinh Thị T. Tại biên bản mô tả ranh giới,

mốc giới thửa đất ngày 10/3/2011 anh Nguyễn Văn H là người trực tiếp quản lý và sử dụng thửa đất 172 (733 cũ) giáp với thửa đất 176 (731 và 732 cũ) của bà T. Anh có ký giáp cận hai bên không tranh chấp. Bà Đinh Thị T và ông Trương Hồng L được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng theo quy định.

Tại công văn số 1303/UBND – NC ngày 03/11/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T đã xác định: việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BG 752583 tại thửa số 176 diện tích 1807,1m² loại đất tại nông thôn và trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cho bà Đinh Thị T và ông Trương Hồng L (theo dự án Vlap) trong trường hợp cấp đổi theo bản đồ địa chính chính quy. Việc cấp giấy này của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long là đúng trình tự thủ tục theo quy định của Nhà nước. Tại phiếu tra cứu thông tin theo tư liệu bản đồ địa chính chính quy và thẩm định phần diện tích tăng do sai lệch giữa các lần đo, ranh giới ổn định, không tranh chấp, không lấn chiếm.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H có yêu cầu phản tố: yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 163,3m² thuộc thửa 176 tờ, bản đồ số 24, diện tích 1.807,1m², tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do bà Đinh Thị T và ông Trương Hồng L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở. Do đó cấp sơ thẩm nhận định: phần diện tích đất cấp cho nguyên đơn bà Đinh Thị T và Trương Hồng L lệch tăng nhiều so với giấy chứng nhận được cấp trước đó (cấp năm 1993) và nếu giữ nguyên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn thì bị đơn không có đường đi ra đường công cộng nên hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ.

Từ những cơ sở nhận định trên:

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị T, ông Trương Hồng L là có căn cứ chấp nhận.

Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là chưa có căn cứ vững chắc để chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Văn H phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ, khảo sát đo đạc và định giá tài sản 5.941.000đ. Để hoàn trả ông Trương Hồng L, Đinh Thị T số tiền tạm ứng 5.000.000đ; hoàn trả cho ông Lê Văn M 941.000đ.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn: bà Đinh Thị T và ông Trương Hồng L.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DSST ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và Điều 37, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều Điều 100 và 203 Luật đất đai; Điều 265, 288 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147; Điều 157; Điều 158, Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26; Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Hồng L và bà Đinh Thị T về việc yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả lại các nguyên đơn phần đất có diện tích theo kết quả khảo sát đo đạc thực tế là 163,3m² thuộc thửa 176-4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 752583 tại thửa 176, diện tích 1807,1m², loại đất ở tại nông thôn và trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 24, tọa lạc ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do ông Trương Hồng L và bà Đinh Thị T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn M về việc yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả lại cho các nguyên đơn phần đất có diện tích theo kết quả khảo sát đo đạc thực tế 172-2+176-2 (733+734) diện tích 62,6m²; thửa 172-4+173 (733+734) diện tích 24,85m²; thửa 172-4+173 (733+734) có diện tích 34,7m² ấp Hội Thọ, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

[3] Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn H yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đo đạc thực tế thuộc thửa 176-4 có diện tích 163,3m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 752583 tại

thửa 176, diện tích 1807,1m², loại đất ở tại nông thôn và trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 24, tọa lạc ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do ông Trương Hồng L và bà Đinh Thị T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4] Về chi phí tố tụng: Buộc anh Nguyễn Văn H phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ, khảo sát đo đạc và định giá tài sản 5.941.000đ (năm triệu chín trăm bốn mươi một ngàn đồng). Để hoàn trả ông Trương Hồng L, Đinh Thị T số tiền tạm ứng 5.000.000đ (năm triệu đồng); hoàn trả cho ông Lê Văn M 941.000đ (chín trăm bốn mươi một ngàn đồng).

[5] Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 200.000đ. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 011961 ngày 11/12/2013 mà anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Đinh Thị T số tiền 310.000đ theo biên lai thu số 014979 ngày 29/7/2013 mà bà đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

+ Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Trường Lê Nguyên Khoa

Cao Văn Lạc

Nơi nhận:

- CA: 01;
- TACC: 01;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TVL: 02;
- TAND huyện T: 01;
- VKSND huyện T: 01;
- Chi Cục THADS T: 01;
- Đường sự: 05;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

Cao Văn Lạc